

Số: 65 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 7 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động và đề xuất định hướng sắp xếp Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: 22.18
	Ngày: 17/3/17
	Chuyên: Thực hiện

Thực hiện Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020 và Công văn số 1155/BKHĐT-PTDN ngày 16/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Phương án sắp xếp công ty thủy lợi, thủy nông; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG

1. Tên Công ty:

- **Tên Công ty:** Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi.

- **Trụ sở chính đặt tại:** Số 978 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chức năng nhiệm vụ chính được giao: Khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu cho nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác.

3. Địa bàn hoạt động

Quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp; khai thác công trình thủy lợi. Tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 6 huyện đồng bằng, 4 huyện miền núi và 01 thành phố: Như vậy, có 11/14 huyện, thành phố trong tỉnh.

4. Đặc điểm hoạt động:

a) Các công trình đang quản lý, lĩnh vực kinh doanh

- Công trình thủy lợi Thạch Nham: Có năng lực thiết kế tưới 50.000 ha, được khởi công xây dựng từ năm 1985 và bàn giao đưa vào sử dụng năm 1997. Gồm cụm công trình đầu mối với đập tràn dài 200 mét; cống lấy nước bờ Bắc Thạch Nham với lưu lượng thiết kế 23,5 m³/s tưới cho huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi; cống lấy nước bờ Nam Thạch Nham với lưu lượng thiết kế 31,5 m³/s tưới cho huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi. Hệ thống kênh mương gồm kênh chính Nam, Bắc Thạch Nham dài 88 km: Gồm 40 tuyến kênh cấp I dài trên 300 km; 78 tuyến kênh cấp II (diện tích tưới từ 150 ha trở lên) dài trên 632 km.

- Công trình thủy lợi ngoài Thạch Nham: Gồm 17 hồ chứa nước, 18 đập dâng và 16 trạm bơm với 53 tổ máy các loại phân bố trên 11 huyện, thành phố gồm: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, Trà Bồng và thành phố Quảng Ngãi.

- Cung cấp nước phục vụ sản xuất cho nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa nước Liệt Sơn, Núi Ngang, Hốc Sầm, Mạch Điều, Đá Bàn..., Trung tâm sản xuất cá giống huyện Đức Phổ, phục vụ chăn nuôi và dân sinh, cung cấp nước cho hoạt động sản xuất công nghiệp (Nhà máy mỳ Tịnh Phong, nhà máy nước Vinaconex, nhà máy đường Phổ Phong).

- Ngoài ra, Công ty đang liên danh với Công ty Cổ phần Xây dựng và cấp thoát nước Quảng Ngãi, Tổng công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) thực hiện dự án: Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho Khu Kinh tế Dung Quất mở rộng.

b) Quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước:

- Việc quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Tổng tài sản	: 2.310.676 triệu đồng
+ Vốn chủ sở hữu	: 2.272.046 triệu đồng
◆ Vốn góp của chủ sở hữu	: 1.951.709 triệu đồng
◆ Quỹ đầu tư phát triển	: 374 triệu đồng
◆ Nguồn vốn đầu tư XDCB	: 328.353 triệu đồng

- Quản lý sử dụng tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định: Tài sản cố định của Công ty được theo dõi chi tiết từng loại trên sổ kế toán, tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn: Công ty chủ động sử dụng toàn bộ vốn mà chủ sở hữu đã đầu tư và các loại nguồn vốn khác vào hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn có hiệu quả. Theo dõi toàn bộ vốn hiện có, thực hiện hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành, phản ánh đầy đủ, chính xác kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn trong quá trình kinh doanh.

c) Tình hình sử dụng chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hàng năm của Công ty:

Thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (hiện nay Công ty đã xây dựng định mức điều chỉnh, bổ sung thay thế cho định mức tại Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND và đang hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện) trong đó có nội dung sử dụng kinh phí từ Hợp đồng đặt hàng về tưới tiêu và thu thủy lợi phí hàng năm để sửa chữa, bảo dưỡng công trình.

- Tỷ lệ kinh phí sửa chữa công trình thủy lợi so với kinh phí cấp bù: Kinh phí sửa chữa thường xuyên các công trình thuộc Công ty quản lý những năm gần đây chỉ đạt bình quân từ (10~15)% so với tổng kinh phí cấp bù. Mức này hiện vẫn còn thấp so với định mức được lập.

- Tỷ lệ kinh phí sửa chữa công trình so với nhu cầu cần sửa chữa: Để nâng cao hiệu quả của hệ thống công trình thủy lợi thuộc Công ty đang quản lý, Công ty đề xuất mức chi phí sửa chữa công trình thủy lợi bình quân năm phải đạt từ (15~25)% so với tổng kinh phí cấp bù.

d) Tình hình cấp bù thủy lợi phí:

Hàng năm, Công ty căn cứ dự toán kinh phí của UBND tỉnh giao và diện tích được miễn thu thủy lợi phí ước thực hiện năm kế hoạch để xây dựng kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước theo từng diện tích, biện pháp tưới, tiêu, dự toán kinh phí cấp bù do miễn thu thủy lợi phí.... Việc sử dụng kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí hợp lý và có hiệu quả; kinh phí cấp bù được dùng để chi trả lương, tu sửa, nâng cấp kênh mương, công trình trong hệ thống công trình thủy lợi và các khoản chi khác theo kế hoạch được duyệt đảm bảo tăng hiệu quả và chất lượng phục vụ và thực hiện thanh, quyết toán đúng theo quy định.

đ) Tính chất liên tỉnh, liên huyện

Công ty đang quản lý, vận hành hệ thống công trình kênh mương và hồ đập liên huyện (với 88 km kênh chính, 300 km kênh cấp 1; 632 km kênh cấp 2; 17 hồ chứa nước, 18 đập dâng, 16 trạm bơm điện).

5. Kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm 2014, 2015, 2016:
(đính kèm theo phụ lục)

6. Đánh giá tình hình hoạt động và vai trò, ý nghĩa hoạt động của Công ty đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương và cả nước:

a) Đánh giá tình hình hoạt động:

*** Việc quản lý và điều hành hệ thống tưới, tiêu**

- Tổ chức kiểm tra, quan trắc công trình, kênh mương theo qui định, bảo vệ an toàn công trình, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nạo vét hệ thống kênh mương và công trình đảm bảo đủ nước tưới. Tăng cường kiểm tra, điều hành nước các hồ chứa, kênh chính Thạch Nham, Núi Ngang. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc quản lý chặt chẽ nguồn nước và thực hiện kế hoạch tưới luân phiên để tiết kiệm nước và đảm bảo đủ nước tưới phục vụ nông nghiệp và một số nhiệm vụ khác.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và tiết kiệm nước trên toàn hệ thống, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc quản lý chặt chẽ nguồn nước, cung cấp nước đúng theo lịch thời vụ, chủ động các biện pháp tưới để phòng chống hạn đi đôi với việc xây dựng phương án phòng chống lụt, bão nhằm khắc phục hậu quả thiên tai và hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra.

** Công tác sửa chữa thường xuyên và bảo vệ công trình:*

Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và bảo vệ công trình, kênh mương theo phân cấp tại Quyết định 46/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo cấp nước tưới, tiêu cho các địa phương. Ký kết hợp đồng dùng nước với Công ty ngay từ đầu vụ để dẫn nước phục vụ sản xuất, đồng thời, phối hợp với Trạm, Cụm của Công ty trong việc điều hành nước tưới và dẫn nước đến mặt ruộng.

** Công tác phòng chống hạn, phòng chống lụt, bão:*

- Công tác phòng chống hạn: Kiểm tra phương án chống hạn ở các đơn vị trực thuộc; đồng thời, xây dựng phương án chống hạn đối với các hệ thống công trình Công ty đang quản lý .

- Công tác phòng chống lụt bão: Thành lập Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Đồng thời chủ động triển khai thực hiện công tác phòng chống lụt, bão theo phương án đã phê duyệt nhằm hạn chế thấp nhất mức thiệt hại do lũ, bão gây ra.

- Ngoài công tác điều hành tưới, tiêu và thu thủy lợi phí, công tác quản lý bảo vệ công trình được Công ty hết sức coi trọng và đặt lên hàng đầu. Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo bảo vệ chuyên trách triển khai công tác bảo vệ đến các Trạm và đơn vị trực thuộc, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục vận động nhân dân thực hiện việc bảo vệ công trình thủy lợi bằng nhiều hình thức như: Hội họp, tuyên truyền trên phương tiện truyền thanh, truyền hình thông tin đại chúng. Tổ chức tốt và triệt để công tác giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi tồn tại của các năm về trước. Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giải tỏa đến đâu bàn giao cho công nhân đến đó, quản lý kênh theo phương châm: "Kênh có chủ".

b) Vai trò, ý nghĩa hoạt động của Công ty đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước: Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Công ty có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, ổn định đời sống nhân dân (tỉnh Quảng Ngãi có hơn 70% người dân sống bằng nghề nông), đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đảm bảo an ninh lương thực, hiện đại hóa trong phát triển sản xuất nông nghiệp địa phương. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện việc cung cấp nước cho các khu công nghiệp và các dịch vụ khác trong toàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CỔ PHẦN HÓA TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Đánh giá tính khả thi của việc cổ phần hóa: Việc cổ phần hóa khó thực hiện ngay do một số khó khăn như:

a) Về lĩnh vực và đối tượng phục vụ:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là dịch vụ công ích với mục tiêu không vì lợi nhuận. Mô hình hoạt động hiện nay đang phát huy hiệu quả. Sản phẩm của Công ty là điện tích tưới - tiêu nước phục vụ cho nông nghiệp dân sinh, đối tượng phục vụ là người nông dân, giá sản phẩm dịch vụ công ích hiện nay do Nhà nước quy định và cấp bù miễn giảm cho người dân. Nếu cổ phần hóa thì việc tính thu thủy lợi phí đảm bảo hoạt động của Công ty nhưng người nông dân không thể đủ điều kiện để đóng thủy lợi phí được.

b) Thực trạng về hệ thống công trình thủy lợi Công ty đang quản lý:

Công ty đang quản lý, vận hành hệ thống công trình kênh mương và hồ đập liên huyện (với 88 km kênh chính; 300 km kênh cấp 1; 632 km kênh cấp 2; 17 hồ chứa nước, 18 đập dâng, 16 trạm bơm điện). Hầu hết các công trình thủy lợi Công ty đang quản lý, vận hành và khai thác được đầu tư xây dựng đã lâu, thiếu đồng bộ, hiện nay nhiều công trình đã xuống cấp. Hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý khai thác nằm trên địa bàn trải rộng, xa khu vực dân cư, nơi hẻo lánh, quy mô một số công trình lớn có tính chất phức tạp.

c) Về nguồn vốn

Tính đến ngày 31/12/2016, tổng giá trị tài sản của Công ty đang quản lý là 2.310,676 tỷ đồng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, chủ yếu là giá trị vốn của các công trình kênh mương, hồ đập chiếm tỷ trọng khoản 97%.

Doanh thu hàng năm của Công ty chủ yếu là từ nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí (trên 90%), nếu cổ phần hóa thì công ty phải kinh doanh có lãi, với điều kiện đời sống của người dân nông thôn Quảng Ngãi còn nhiều khó khăn do thường xuyên thiên tai bão, lũ các công trình Công ty đang quản lý đã xuống cấp, chất lượng dịch vụ không cao việc thu thủy lợi phí để đáp ứng hoạt động và có lãi để có thể bán cổ phần là khó thực hiện được. Với tính chất hoạt động và thực trạng hiện nay của Công ty thì việc cổ phần hóa sẽ rất khó thực hiện được.

2. Đề xuất định hướng trong thời gian đến

Trong những năm qua, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi đã tổ chức sản xuất, kinh doanh ổn định, đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu trên địa bàn tỉnh, giúp cho ngành nông nghiệp phát triển ổn định và từng bước xây dựng nông thôn mới.

Qua phân tích tình hình thực tế nêu trên, tỉnh Quảng Ngãi đề nghị tiếp tục duy trì loại hình doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong giai đoạn 2017-2020. Đồng thời tiếp tục củng cố, sắp xếp bộ máy hoạt động hiệu quả hơn, tăng cường duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp các công trình đang quản lý để tăng tính hiệu quả của loại hình dịch vụ, mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ phát triển công nghiệp nhằm tăng doanh thu, trên cơ sở đó, tạo nền tảng tiến hành cổ phần hóa vào thời điểm thích hợp sau này (nếu đủ điều kiện).

3. Giải pháp cụ thể củng cố hoạt động Công ty:

a) Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi, sắp xếp bố trí lại lực lượng lao động theo hướng tinh gọn phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty TNHH một thành viên đã được phê duyệt và đảm bảo các yêu cầu theo quy định Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện việc giao khoán đến nhóm và người lao động trong Công ty làm cho tinh thần, trách nhiệm của người lao động được nâng lên,

- Nhận quản lý thêm công trình, tạo nguồn từ các thành phần kinh tế khác và hộ dùng nước để thực hiện cấp bù thủy lợi phí duy nhất một đầu mối theo qui định của Nghị định 67/2012/NĐ-CP, để phát huy thêm năng lực tưới và nguồn thu cho công ty;

- Lập dự án hoặc khuyến khích các thành phần kinh tế khác lập dự án khai thác tiềm năng thủy điện, thủy sản, du lịch, nước sinh hoạt, cấp nước công nghiệp ở tất cả các hồ chứa nước, các công trình của địa phương quản lý thuộc hệ thống của Công ty để tăng thêm doanh thu cho Công ty.

- Tiến hành nâng cấp một số công trình đã xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn cho hồ - đập và tăng dung tích chứa nước, chống lãng phí về nước, đáp ứng nhu cầu lượng nước phục vụ sản xuất của nhân dân;

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác vận hành hồ chứa, đặc biệt là hồ chứa có quy trình vận hành liên hồ, hồ chứa quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Chú trọng công tác chuyên kênh, vận hành và bảo vệ an toàn các công trình trên kênh; thực hiện tiết kiệm nguồn nước, xây dựng phương án tích nước và điều tiết việc tưới hợp lý, tiết kiệm nước tại các hồ chứa nước để đảm bảo phục vụ tưới suốt mùa vụ. Chủ động các biện pháp tưới để phòng, chống hạn. Bên cạnh đó, phải chú trọng việc xây dựng phương án phòng, chống lũ lụt và khắc phục hậu quả thiên tai (nếu có). Thường xuyên kiểm tra, quan trắc công trình, kênh mương theo qui định, bảo vệ an toàn công trình, kịp thời nạo vét, tu sửa đảm bảo việc thông thoáng và dẫn nước tưới.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và đề xuất phương án tiếp tục giữ nguyên mô hình hoạt động công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Cục PTDN;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT;
- Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi
- VPUB: CVP, PCVP(KT), TH, CBTH;
- Lưu VT, KT ntha174



Phạm Trường Thọ

**Phụ lục: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG DNNN TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ,
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NĂM 2014 - 2016**

Cơ quan báo cáo: Công ty TNHH MTV Thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi

(Kèm theo Báo cáo số 55/CUBA ngày 17 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Tên doanh nghiệp và năm báo cáo	Tổng diện tích cấp nước tưới tiêu phục vụ nông nghiệp (ha)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Doanh thu				Chi phí			Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Nộp ngân sách Nhà nước (tỷ đồng)	Số lượng lao động (người)	Hình thức sắp xếp dự kiến	Ghi chú
			Tổng doanh thu (tỷ đồng)	Nguồn thu thủy lợi phí cấp bù (tỷ đồng)	Nguồn thu thủy lợi phí của các đối tượng không được miễn (tỷ đồng)	Nguồn thu khác (nếu có) (tỷ đồng)	Tổng chi phí (tỷ đồng)	Trong đó, chi phí bảo dưỡng hàng năm từ NSNN (tỷ đồng)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi														
- Năm 2014	41,973.370	1,461.193	45.516	40.823	0.0	4.693	45.502	3.086	0.014	0.435	331.000	0.0	Cột 5: Phần TLP của TCHTDN là: 15,882 tỷ đồng	
- Năm 2015	47,125.570	1,461.193	50.476	46.562	0.0	3.914	50.109	3.848	0.367	0.347	340.000	0.0	Cột 5: Phần TLP của TCHTDN là: 17,984 tỷ đồng	
- Năm 2016	47,156.640	1,461.193	51.114	46.654	0.0	4.460	50.678	2.690	0.436	0.302	356.000	0.0	Cột 5: Phần TLP của TCHTDN là: 18,037 tỷ đồng	